

Số: 1289005

Kia Sorento 2.2D Luxury

Mazda 6 2.5L Signature Premium (GTCCC)

Giá niêm yết:

954.000.000đ

874.000.000đ

KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:

| | | |
|-----------------------------------|------------------|--------------------|
| Kích thước tổng thể (mm) | 4810x1900x1700 | 4865 x 1840 x 1450 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2815 | 2830 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5780 | 5600 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 176 | 165 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1810 | 1550 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 2440 | 2000 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 357 | 480 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 67 | 62 |
| Số chỗ ngồi | 7 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |

DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:

| | | |
|--|-------------------------|--------------------|
| Loại động cơ | Smartstream D2.2 | Skyactiv-G 2.5L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 2151 | 2488 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 198/3800 | 188 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 440/1750-2750 | 252 / 4000 |
| Hộp số | 8-DCT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | McPherson | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 235/60R18 | 225/45 R19 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 7,2 | 9.57 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5 | 5.33 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 5,8 | 6.89 |
| Chế độ lái | Comfort/Eco/Sport/Smart | Normal/Sport |

NGOẠI THẤT:

| | | |
|--------------------------------------|-----|------------------------------|
| Cụm đèn trước | LED | LED |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | Đèn thích ứng thông minh ALH |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED | LED |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | - | ● |

NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

| | | |
|------------------------------------|------|------------------|
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da (Nappa) |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 4.2" | Analog & Digital |

| | | |
|------------------------------------|------------|-------------------------|
| Màn hình giải trí trung tâm | AVN 10.25" | 8 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 vùng | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | 11 loa Bose |
| Lấy chuyển số | ● | ● |
| Sạc không dây Qi | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | ● | |
| Rèm che nắng | ● | ● (Chỉnh điện phía sau) |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | - | ● |

AN TOÀN:

| | | |
|---|-------------|----------------|
| Số túi khí | 6 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & Sau | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | |
| Camera lùi | ● | ● (Camera 360) |